TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2023
V/v ly hôn giữa chị L và anh L1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Trần Thị Hải Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Xuân L1, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2023, bản tự khai 17/7/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân L1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung bình thường, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân L1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa chị và anh L1 có 02 con chung là cháu Đỗ Gia Kh, sinh ngày 26/11/2018 và cháu Đỗ Phạm Phương Th, sinh ngày 06/7/2020, các con đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi các con, hiện chị đang làm kế toán

tại công ty TNHHTM Daebag Thành Nam thu nhập mỗi tháng từ 08 – 10 triệu đồng, nên chị yêu cầu anh L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu anh L1 không đồng ý giao 02 con cho chị nuôi, thì đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Kh, giao cháu Th cho anh L1 nuôi dưỡng, chị và anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị và anh L1 không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân L1 đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với ông Đỗ Minh L (bố đẻ của anh L1) thể hiện: Anh Đỗ Xuân L1 là con trai ông có đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị L quê ở xã Nam Hùng, huyện N. Sau khi kết hôn anh L1 và chị L sống chung với gia đình ông, anh chị chưa có nhà riêng. Anh L1 và chị L có 02 con chung là cháu Đỗ Gia Kh và cháu Đỗ Phạm Phương Th, các cháu đang ở với chị L. Hiện anh L1 vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng anh L1 đi làm ở nơi khác, ông không biết địa chỉ cụ thể và thời gian trở về nên ông không thể giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L1 theo quy định được. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh L1 với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào gia đình ông không nắm được, đây là chuyện riêng của các con ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:`

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân L1.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao chị L trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Đỗ Gia Kh, sinh ngày 26/11/2018 và cháu Đỗ Phạm Phương Th, sinh ngày 06/7/2020. Anh L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và anh Đỗ Xuân L1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Đỗ Xuân L1 đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh L1 vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân L1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 06/11/2017, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị L trình bày thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh L1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1 để ổn định cuốc sống. Anh Đỗ Xuân L1 biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh L1 còn không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Xuân L1 của chị Phạm Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Đỗ Gia Kh, sinh ngày 26/11/2018 và cháu Đỗ Phạm Phương Th, sinh ngày 06/7/2020, hiện các con đang ở với chị L.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L1 không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị L có nguyện vọng tiếp tục, trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng và đề nghị của chị L không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao cháu Đỗ Gia Kh và cháu Đỗ Phạm Phương Th cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Xuân L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L nuôi mỗi con 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) 01 tháng kể từ tháng xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh L1 không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Đỗ Xuân L1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân L1.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Đỗ Gia Kh, sinh ngày 26/11/2018 và cháu Đỗ Phạm Phương Th, sinh ngày 06/7/2020 cho chị Phạm Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Xuân L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L nuôi mỗi con 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) 01 tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0000555, ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

Anh Đỗ Xuân L1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh